

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu P

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị M

Ông Vũ Văn K

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức H - Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố N.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc H - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Ngọc H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 25/12 đường C, phường L, quận N, thành phố N; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 25/12 đường C, phường L, quận N, thành phố N; hiện đang bị truy nã theo Quyết định truy nã số 38/QĐTN ngày 18/4/2011 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trịnh Thị Ngọc H trình bày:

Năm 2000, chị và anh Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam, có đăng ký kết hôn ngày 01/8/2002 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận N, thành phố N.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Đến năm 2010 anh T vi phạm pháp luật và bị khởi tố về tội” Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, anh T bỏ trốn khỏi địa phương và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định truy nã. Từ đó cho đến nay chị và anh T sống ly thân không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Chị và gia đình cũng đã tìm kiếm anh T bằng nhiều biện pháp nhưng đến nay cũng không có tin tức anh T ở đâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, để ổn định cuộc sống. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

Về việc nuôi con: Chị và anh T có hai con chung là Nguyễn T L, sinh ngày 03/10/2002 và Nguyễn Xuân Tiến Đ, sinh ngày 11/9/2007. Hiện con Nguyễn T L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị đề nghị nuôi con Nguyễn Xuân Tiến Đ, vì từ thời điểm năm 2011 anh T trốn truy nã, chị vẫn là người chăm sóc nuôi dạy con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị Trịnh Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Xuân T đang bị truy nã theo Quyết định truy nã số 38/QĐTN ngày 18/4/2011 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh T các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Xuân T vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không lấy được lời khai của anh T.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình chị H và anh T: Thể hiện chị H và anh T chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Đến năm 2010 anh T vi phạm pháp luật và bị khởi tố về tội” Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, anh T bỏ trốn khỏi địa phương và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định truy nã, hiện đang bị truy nã; về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Nguyễn T L, sinh ngày 03/10/2002 và Nguyễn Xuân Tiến Đ, sinh ngày 11/9/2007. Hiện con Nguyễn T L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Xuân Tiến Đ cho chị H nuôi; về tài sản chung: Không nắm được nên không có ý kiến.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T; về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Hiện con Nguyễn T L đã trưởng

thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị đề nghị nuôi con Nguyễn Xuân Tiến Đ, vì từ thời điểm năm 2011 anh T trốn truy nã, chị vẫn là người chăm sóc nuôi dạy con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản: Chị Trịnh Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố N phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử chị Trịnh Thị Ngọc H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T; về việc nuôi con: Chị H và anh T có hai con chung là Nguyễn T L, sinh ngày 03/10/2002 và Nguyễn Xuân Tiến Đ, sinh ngày 11/9/2007. Hiện con Nguyễn T L đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; giao con Nguyễn Xuân Tiến Đ cho chị H trực tiếp nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về việc chia tài sản: Chị Trịnh Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị Trịnh Thị Ngọc H phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn

Xuân T cư trú tại địa bàn quận N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[2] Anh Nguyễn Xuân T bỏ trốn khỏi địa phương và bị truy nã, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Xuân T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn thay đổi địa chỉ nơi cư trú mà không báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Do đó, bị đơn thuộc trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự; điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Ngọc H và anh Nguyễn Xuân T được xác lập từ ngày 01/8/2002 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận N, thành phố N. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Quá trình chung sống chị Trịnh Thị Ngọc H và anh Nguyễn Xuân T chung sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, lối sống. Đến năm 2011 anh T vi phạm pháp luật. Ngày 18/4/2011 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định truy nã số 38/PC45, từ đó cho đến nay chị Hà không biết anh T đi đâu. Chị và gia đình cũng đã tìm kiếm, nhưng đến nay cũng không có tin tức của anh T. Nay chị Hà xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Ngọc H.

[5] Về việc nuôi con: Chị Trịnh Thị Ngọc H và anh Nguyễn Xuân T có hai con chung là Nguyễn T L, sinh ngày 03/10/2002 và Nguyễn Xuân Tiến Đ, sinh ngày 11/9/2007. Con chung Nguyễn T L đã trưởng thành không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Con chung Nguyễn Xuân Tiến Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T hiện đang bị truy nã, hơn nữa từ khi anh T bỏ trốn thì chị H là người trực tiếp nuôi con. Mặt khác cháu Đạt cũng có nguyện vọng được ở với chị H; để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt cho con, nên giao con Nguyễn Xuân Tiến Đ cho chị Trịnh Thị Ngọc H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về việc chia tài sản: Chị Trịnh Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trịnh Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Chị Trịnh Thị Ngọc H và anh Nguyễn Xuân T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Ngọc H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2. Về việc nuôi con: Chị Trịnh Thị Ngọc H và anh Nguyễn Xuân T có hai con chung là Nguyễn T L, sinh ngày 03/10/2002 và Nguyễn Xuân Tiến Đ, sinh ngày 11/9/2007. Con chung Nguyễn T L đã trưởng thành không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; giao con chung là Nguyễn Xuân Tiến Đ cho chị Trịnh Thị Ngọc H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị Trịnh Thị Ngọc H không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị Ngọc H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006583 ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố N. Chị Trịnh Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Trịnh Thị Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Xuân T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Đường sự;
- UBND phường L, quận N, thành phố H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu P

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND phường Vạn Mỹ, quận N, thành phố N (GCNKH ngày 25/2/2000);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND phường Quang Trung, quận
Hồng Bàng thành phố N
(CNKH ngày 24/11/2003);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố N (CNKH ngày 24/11/2003);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.